

TÀI LIỆU MINH HỌA BÁN HÀNG
QUOTATION

CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM DÀNH CHO
DOANH NGHIỆP
GROUP TERM LIFE

CÔNG TY A

I. THÔNG TIN CHUNG GENERAL INFORMATION	
1. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM VÀ BÊN MUA BẢO HIỂM GENERAL INFORMATION ABOUT THE INSURANCE COMPANY AND THE POLICY OWNER	
Doanh nghiệp bảo hiểm <i>Insurance Company</i>	CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM HANWHA LIFE VIỆT NAM <i>HANWHA LIFE INSURANCE COMPANY LIMITED (VIETNAM)</i> (sau đây gọi là “ Hanwha Life Việt Nam ”) (“ <i>Hanwha Life Vietnam</i> ”)
Lĩnh vực kinh doanh <i>Industry</i>	Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe <i>Life and Health Insurance</i>
Trụ sở chính <i>Address</i>	Tầng 14, số 81 - 85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh <i>14th Floor, 81–85 Ham Nghi Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City</i>
Điện thoại <i>Telephone</i>	(028) 3914 9100
Fax	(028) 3914 9101
Bên mua bảo hiểm	CÔNG TY A
<i>Policy Owner</i>	COMPANY A
Lĩnh vực kinh doanh <i>Industry</i>	Ngân Hàng <i>Bank</i>
Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	XXX, Phường X, Thành Phố Hồ Chí Minh <i>XXX Street, X Ward, HCM City</i>
Điện thoại <i>Telephone</i>	(028) 123.456.78
Fax	(028) 123.456.78
2. THÔNG TIN CHUNG VỀ SẢN PHẨM BẢO HIỂM GENERAL INFORMATION ABOUT THE INSURANCE PRODUCT	
Thời hạn bảo hiểm <i>Policy Term</i>	Từ ngày 15/10/2019 đến ngày 14/10/2020 (bao gồm cả hai ngày này) <i>From Oct 15th 2019 to Oct 14th 2020</i> (including these 2 days)
Quyền lợi bảo hiểm <i>Benefits</i>	Bảo hiểm sức khỏe Tai nạn nhóm - Phiên bản 2019 <i>Group Simplified Accidental Basic – Version 2019</i> Bảo hiểm Tai nạn nhóm - Phiên bản 2019

<i>Group Comprehensive Accidental Product –Version 2019</i> Bảo hiểm Hỗ trợ viện phí nhóm - Phiên bản 2019 <i>Group Hospitalization Product – Version 2019</i>					
Phạm vi lãnh thổ bảo hiểm <i>Geographical limit</i>	Các nước Đông Nam Á và Hàn Quốc <i>Southeast Asia and Korea</i>				
Danh sách Thành viên được bảo hiểm <i>List of Assured Member</i>	Đính kèm <i>As attached</i>				
Số lượng Thành viên được bảo hiểm <i>Total No. of Assured Member</i>	396 người, gồm: <i>396 persons including:</i> <table border="1" data-bbox="635 703 1098 887"> <tr> <td>Nhóm 1 <i>Class 1</i></td><td>252</td></tr> <tr> <td>Nhóm 2 <i>Class 2</i></td><td>144</td></tr> </table>	Nhóm 1 <i>Class 1</i>	252	Nhóm 2 <i>Class 2</i>	144
Nhóm 1 <i>Class 1</i>	252				
Nhóm 2 <i>Class 2</i>	144				
Độ tuổi trung bình <i>Average Age</i>	39				
Tỷ lệ nam:nữ <i>Male:female ratio</i>	44%: 56%				
3. PHÍ BẢO HIỂM <i>PREMIUM</i>					
Tổng phí bảo hiểm năm sau khi chiết khấu (a) + (b) + (c) (*) <i>Total annual premium after discount (a) + (b) + (c)</i>	158.494.000 đồng VND 158,494,000				
VAT	0%				
Định kỳ đóng phí bảo hiểm <i>Premium term</i>	Hàng năm <i>Annually</i>				
Phí bảo hiểm định kỳ <i>Premium</i>	158.494.000 đồng VND 158,494,000				
Phương thức thanh toán <i>Payment method</i>	Chuyển khoản <i>Bank transfer</i>				

(*) Đây là mức phí bảo hiểm định kỳ dựa trên cơ sở Thành viên được bảo hiểm đạt mức rủi ro chuẩn theo quy định về thẩm định phát hành Hợp đồng bảo hiểm của Hanwha Life Việt Nam. Trong trường hợp kết quả thẩm định của khách hàng cho ra mức rủi ro dưới chuẩn, Hanwha Life Việt Nam có thể thay đổi phí bảo hiểm hoặc từ chối bảo hiểm.

(*) This is the standard premium based on the assumption that the Assured Member meets standard risk level according to Hanwha Life Vietnam's underwriting regulations. In the event that the result of a client's underwriting is below standard risk level, Hanwha Life Vietnam may change the premium or refuse coverage.

II. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM INSURANCE BENEFITS

1. SẢN PHẨM: BẢO HIỂM SỨC KHỎE TAI NẠN NHÓM - PHIÊN BẢN 2019 PRODUCT: GROUP SIMPLIFIED ACCIDENTAL BASIC - VERSION 2019

Quyền lợi bảo hiểm Tử vong/Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn <i>Death/Total & Permanent Disabilities benefit</i>	10% Số tiền bảo hiểm <i>10% Sum assured</i>				
Quyền lợi bảo hiểm Tử vong do Tai nạn <i>Accidental death benefit</i>	100% Số tiền bảo hiểm <i>100% Sum assured</i>				
Quyền lợi bảo hiểm Tử vong do Tai nạn đặc biệt <i>Special accidental death benefit</i>	200% Số tiền bảo hiểm <i>200% Sum assured</i>				
Số lượng nhóm <i>Number of classes</i>	02 nhóm <i>2 classes</i>				
Số tiền bảo hiểm <i>Sum assured</i>	Chi tiết theo Danh sách Thành viên được bảo hiểm đính kèm <i>As detailed in the attached Assured Member List</i> <table border="1"> <tr> <td>Nhóm 1 <i>Class 1</i></td><td>200.000.000 VNĐ VND 200,000,000</td></tr> <tr> <td>Nhóm 2 <i>Class 2</i></td><td>200,000,000 VNĐ VND 200,000,000</td></tr> </table>	Nhóm 1 <i>Class 1</i>	200.000.000 VNĐ VND 200,000,000	Nhóm 2 <i>Class 2</i>	200,000,000 VNĐ VND 200,000,000
Nhóm 1 <i>Class 1</i>	200.000.000 VNĐ VND 200,000,000				
Nhóm 2 <i>Class 2</i>	200,000,000 VNĐ VND 200,000,000				
Tỷ lệ phí bảo hiểm năm chuẩn <i>Standard annual premium rate</i>	Không áp dụng <i>Not applicable</i>				
Phí bảo hiểm năm trước khi chiết khấu <i>Annual premium before discount</i>	68.304.000 đồng <i>VND 68,304,000</i>				
Tỷ lệ chiết khấu <i>Discount percentage</i>	5%				
Phí bảo hiểm năm sau khi chiết khấu (a) (*) <i>Annual premium after discount (a) (*)</i>	64.889.000 đồng <i>VND 64,889,000</i>				

(*) Đây là mức phí bảo hiểm định kỳ dựa trên cơ sở Thành viên được bảo hiểm đạt mức rủi ro chuẩn theo quy định về thẩm định phát hành Hợp đồng bảo hiểm của Hanwha Life Việt Nam. Trong trường hợp kết quả thẩm định của khách hàng cho ra mức rủi ro dưới chuẩn, Hanwha Life Việt Nam có thể thay đổi phí bảo hiểm hoặc từ chối bảo hiểm.

(*) *This is the standard premium based on the assumption that the Assured Member meets standard risk level according to Hanwha Life Vietnam's underwriting regulations. In the event that the result of a client's underwriting is below standard risk level, Hanwha Life Vietnam may change the premium or refuse coverage.*

2. SẢN PHẨM: BẢO HIỂM TAI NẠN NHÓM - PHIÊN BẢN 2019

PRODUCT: GROUP COMPREHENSIVE ACCIDENTAL PRODUCT - VERSION 2019

Quyền lợi bảo hiểm Tử vong/Thương tật toàn bộ & vĩnh viễn do Tai nạn(*) <i>Accidental Death/Total & Permanent Disabilities benefit</i>	100% Số tiền bảo hiểm 100% Sum assured		
Quyền lợi bảo hiểm tử vong do Tai nạn trên các phương tiện giao thông công cộng đường bộ, trong thang máy công cộng, hỏa hoạn tại các tòa nhà công cộng(*) <i>Accidental Death benefit while riding as a fare-paying passenger in a public transportation or death in public elevator or get burned in public center</i>	200% Số tiền bảo hiểm 200% Sum assured		
Quyền lợi bảo hiểm tử vong do Tai nạn máy bay(*) <i>Accidental Death benefit while riding as a fare-paying passenger on an airplane</i>	300% Số tiền bảo hiểm 300% Sum assured		
Quyền lợi bảo hiểm Thương tật bộ phận vĩnh viễn do Tai nạn(**) <i>Accidental Partial Permanent Disabilities benefit</i>	Theo bảng tỷ lệ thương tật As in the Schedule of Injuries		
Số lượng nhóm <i>Number of class</i>	01 nhóm 01 class		
Số tiền bảo hiểm <i>Sum assured</i>	Chi tiết theo Danh sách Thành viên được bảo hiểm đính kèm <i>As detailed in the attached Assured Member List</i> <table border="1"> <tr> <td>Nhóm 2 <i>Class 2</i></td><td>200.000.000 VNĐ VND 200,000,000</td></tr> </table>	Nhóm 2 <i>Class 2</i>	200.000.000 VNĐ VND 200,000,000
Nhóm 2 <i>Class 2</i>	200.000.000 VNĐ VND 200,000,000		
Tỷ lệ phí bảo hiểm năm chuẩn <i>Standard annual premium rate</i>	Không áp dụng Not applicable		
Phí bảo hiểm năm trước khi chiết khấu <i>Annual premium before discount</i>	38.304.000 đồng VND 38,304,000		

Tỷ lệ chiết khấu <i>Discount percentage</i>	5%
Phí bảo hiểm năm sau khi chiết khấu (b) (***) <i>Annual premium after discount (b)</i>	36.389.000 đồng VND 36,389,000
(*) Khi chi trả (các) quyền lợi bảo hiểm này, sẽ trừ đi số tiền đã trả trước đó trong trường hợp Thành viên được bảo hiểm bị Thương tật bộ phận vĩnh viễn do Tai nạn (nếu có). (*) <i>These benefits will deduct claim payments of Accidental Partial Permanent Disabilities benefit, if any.</i> (**) Tổng quyền lợi Thương tật bộ phận vĩnh viễn do Tai nạn không vượt quá 100% Số tiền bảo hiểm. (**) <i>Total Accidental Partial Permanent Disabilities benefit cannot be exceeded 100% Sum Assured.</i> (***) Đây là mức phí bảo hiểm định kỳ dựa trên cơ sở Thành viên được bảo hiểm đạt mức rủi ro chuẩn theo quy định về thẩm định phát hành Hợp đồng bảo hiểm của Hanwha Life Việt Nam. Trong trường hợp kết quả thẩm định của khách hàng cho ra mức rủi ro dưới chuẩn, Hanwha Life Việt Nam có thể thay đổi phí bảo hiểm hoặc từ chối bảo hiểm. (***) <i>This is the standard premium based on the assumption that the Assured Member meets standard risk level according to Hanwha Life Vietnam's underwriting regulations. In the event that the result of a client's underwriting is below standard risk level, Hanwha Life Vietnam may change the premium or refuse coverage.</i>	

3. SẢN PHẨM: BẢO HIỂM HỖ TRỢ VIỆN PHÍ NHÓM - PHIÊN BẢN 2019 PRODUCT: GROUP HOSPITALIZATION PRODUCT - VERSION 2019	
Quyền lợi bảo hiểm Hỗ trợ viện phí do Tai nạn <i>Accidental hospitalization benefit</i>	100% Số tiền bảo hiểm/Ngày nằm viện, tối đa 90 Ngày nằm viện <i>100% Sum assured/day, max 90 days</i>
Quyền lợi bảo hiểm Hỗ trợ viện phí do bệnh <i>Illness hospitalization benefit</i>	100% Số tiền bảo hiểm/Ngày nằm viện, tối đa 90 Ngày nằm viện <i>100% Sum assured/day, max 90 days</i>
Quyền lợi bảo hiểm Hỗ trợ viện phí tại Khoa chăm sóc đặc biệt <i>ICU hospitalization benefit</i>	150% Số tiền bảo hiểm/Ngày nằm viện, tối đa 15 Ngày nằm viện <i>150% Sum assured/day, max 15 days</i>
Quyền lợi bảo hiểm Hỗ trợ Phẫu thuật <i>Surgery benefit</i>	300% Số tiền bảo hiểm/1 lần/1 Năm hợp đồng <i>300% Sum assured/time/Policy year</i>
Quyền lợi bảo hiểm Hỗ trợ viện phí do Ung thư <i>Cancer hospitalization benefit</i>	300% Số tiền bảo hiểm/Ngày nằm viện, tối đa 30 Ngày nằm viện <i>300% Sum assured/day, max 30 days</i>
Tổng Quyền lợi bảo hiểm chi trả cho mỗi Thành viên được bảo hiểm sẽ không vượt quá chín mươi (90) lần Số tiền bảo hiểm. <i>The total insurance benefits payable for each Assured member shall not exceed ninety (90) times the Sum Assured.</i>	

Số lượng nhóm <i>Number of classes</i>	01 nhóm <i>01 class</i>		
Số tiền bảo hiểm <i>Sum Assured</i>	Chi tiết theo Danh sách Thành viên được bảo hiểm đính kèm <i>As detail in the attached Assured Member list</i> <table border="1"> <tr> <td>Nhóm 2 <i>Class 2</i></td><td>400.000 VNĐ <i>VND 400,000</i></td></tr> </table>	Nhóm 2 <i>Class 2</i>	400.000 VNĐ <i>VND 400,000</i>
Nhóm 2 <i>Class 2</i>	400.000 VNĐ <i>VND 400,000</i>		
Tỷ lệ phí bảo hiểm năm chuẩn <i>Standard annual premium rate</i>	Không áp dụng <i>Not applicable</i>		
Phí bảo hiểm năm trước khi chiết khấu <i>Annual premium before discount</i>	60.227.000 đồng <i>VND 60,227,000</i>		
Tỷ lệ chiết khấu <i>Discount percentage</i>	5%		
Phí bảo hiểm năm sau khi chiết khấu (c) (*) <i>Annual premium after discount (c) (*)</i>	57.216.000 đồng <i>VND 57,216,000</i>		
(*) Đây là mức phí bảo hiểm định kỳ dựa trên cơ sở Thành viên được bảo hiểm đạt mức rủi ro chuẩn theo quy định về thẩm định phát hành Hợp đồng bảo hiểm của Hanwha Life Việt Nam. Trong trường hợp kết quả thẩm định của khách hàng cho ra mức rủi ro dưới chuẩn, Hanwha Life Việt Nam có thể thay đổi phí bảo hiểm hoặc từ chối bảo hiểm. (*) <i>This is the standard premium based on the assumption that the Assured Member meets standard risk level according to Hanwha Life Vietnam's underwriting regulations. In the event that the result of a client's underwriting is below standard risk level, Hanwha Life Vietnam may change the premium or refuse coverage.</i>			

III. NHỮNG LƯU Ý QUAN TRỌNG IMPORTANT NOTES

1. Không áp dụng đồng chi trả hoặc miễn thường.
Co-payment and deductible are not applicable.
2. Tổng phí bảo hiểm nêu trên được tạm tính dựa trên số lượng Thành viên được bảo hiểm đăng ký ban đầu.
The total premium above is provisionally calculated based on the initial number of Assured members.
3. Tổng phí bảo hiểm phải đóng trên thực tế có thể thấp hoặc cao hơn tổng phí bảo hiểm tạm tính, tùy thuộc vào số thành viên mới tham gia hoặc không tiếp tục tham gia trong năm hợp đồng.
Total actual premium paid could be higher or lower than the provisional premium in this Quotation, depending on the number of newly joined or discontinued members during the policy year.
4. Tài liệu minh họa bán hàng này chỉ mang tính tham khảo với giả định toàn bộ phí bảo hiểm được đóng đầy đủ và không có giao dịch nào làm thay đổi giá trị hợp đồng. Toàn bộ nội dung Tài liệu minh họa bán hàng này là một phần của Hợp đồng bảo hiểm.
This Quotation is for reference, assuming all Premiums are fully paid and there are no transactions that change the Policy value. This Quotation is a part of the Policy.
5. Việc kê khai thông tin chính xác, trung thực và đầy đủ khi tham gia bảo hiểm/khôi phục hiệu lực/điều chỉnh Hợp đồng bảo hiểm cũng như tuân thủ các quy định khác tại Hợp đồng bảo hiểm nhằm đảm bảo quyền và lợi ích cho Bên mua bảo hiểm/Thành viên được bảo hiểm khi tham gia bảo hiểm.
Providing accurate, truthful, and complete information when applying for insurance, reinstating or modifying the Policy, as well as complying with other provisions of the Policy, is essential to ensure the rights and benefits of the Policy Owner/ Assured Member.
6. Chi tiết thông tin về sản phẩm bảo hiểm, quyền lợi bảo hiểm, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm và các thông tin khác của (các) sản phẩm bảo hiểm trên được quy định cụ thể trong Quy tắc và điều khoản của sản phẩm bảo hiểm (được đính kèm).
Detailed information about the insurance product, insurance benefits, exclusions, and other information regarding the above-mentioned insurance product(s) are described in the Terms and Conditions of the insurance product (attached).

Ngày:/...../.....

Date:/...../.....

Đại diện Công ty TNHH Bảo hiểm Hanwha Life Việt Nam
On behalf of Hanwha Life Insurance Company Limited (Vietnam)

BAEK JIN WOOK
Appointed Actuary

IV. XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

CONFIRMATION OF THE POLICY OWNER

Tôi - Bên mua bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm, bằng việc ký tên và đóng dấu dưới đây, xác nhận rằng:

I - the Policy Owner of the Policy, by signing and stamped below, hereby confirm that:

1. Tôi hiểu và đồng ý rằng/ *I understand and agree that:*

- Tài liệu minh họa bán hàng này chỉ có giá trị tham khảo.

This Quotation is for reference.

- Các quyền lợi và điều kiện bảo hiểm được quy định tại Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm trên.

The insurance benefits and terms are governed by the Terms and Conditions of the above-mentioned insurance products.

2. Tôi cam kết cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm cho Thành viên được bảo hiểm.

I undertake to inform the complete and accurate information related to the Policy to the Assured Member.

3. Tôi đã được Hanwha Life Việt Nam tư vấn, giải thích rõ ràng, đầy đủ và hiểu rõ các nội dung tại Tài liệu minh họa bán hàng này cũng như các chi tiết quyền lợi bảo hiểm, điều khoản loại trừ và các điều khoản và điều kiện khác có liên quan của (các) sản phẩm bảo hiểm trên. Theo đó, Tôi đồng ý với Tài liệu minh họa bán hàng này và đồng ý tham gia chương trình bảo hiểm được mô tả tại tài liệu này.

I have been advised and explained clearly and sufficiently of the contents of this Quotation, as well as the details of the benefits, exclusions and other terms and conditions of the above-mentioned insurance product(s). Accordingly, I agree with this Quotation and consent to participate in the insurance policy illustrated in this document.

Ngày:/...../.....

Date:/...../.....

Đại diện Công ty A
On behalf of Company A